

Thiền sư Như Hiện qua bia tháp Tịnh Quang chùa Đông Khê, Hải Phòng

ISSN: 2734-9195 08:05 04/09/2026

Bia gồm một mặt gắn trực tiếp vào tường tháp, toàn văn khoảng 1.000 chữ, trán bia trang trí lưỡng long chầu nhật, có hàng chữ đầu tiên bị xây tường đè lên. Nội dung ghi lại tiểu sử, hành trạng, công trạng của thiền sư Như Hiện. Có bài minh dài.

Tác giả: **Nguyễn Huy Khuyến**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

ThS.Vũ Ngọc Định

Trường Đại học Hồng Đức

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

1. Vài nét về Thiền sư Như Hiện

Thiền sư Như Hiện sinh ra ở làng Đường Hào, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (nay xã Thanh Hà, Hải Phòng). Sư xuất gia năm 16 tuổi tại chùa Long Động núi Yên Tử. Trước khi Thiền sư Chân Nguyên viên tịch, được truyền y bát phái Trúc Lâm, kế nghiệp tổ sư trông nom các chùa Long Động, Quỳnh Lâm và Nguyệt Quang.

Năm 1730, các chùa Quỳnh Lâm và Sùng Nghiêm dưới sự chăm sóc của Sư được chúa Trịnh Giang trùng tu. Chùa cùng dân ba huyện Đông Triều, Thủy Đường và Chí Linh góp sức vào việc xây dựng lại các chùa này. Gần mười ngàn người làm việc trong suốt một năm mới xây dựng xong hai ngôi chùa lớn này của phái Trúc Lâm. Dân chúng ở ba huyện trên được miễn sưu dịch một năm. Bảy năm sau, chúa Trịnh Giang lại cho đúc pho tượng Phật rất lớn để thờ tại chùa Quỳnh Lâm.

Năm 1748, Sư được vua Lê Hiến Tông ban chức Tăng chính và năm 1757 được sắc phong là Tăng Thống Thuần Giác Hòa Thượng. Đời sống của Sư rất là đam bạc mà hàng đại thần đến hỏi pháp, Sư ăn mặc rất sơ sài mà các bậc cao tăng thường đến tham vấn. Đồ đệ của Sư hơn sáu mươi vị anh tài, Trụ trì các nơi làm rường cột cho phật pháp.

Đến ngày mừng 6 tháng 9 năm Ất Dậu (1765), Sư dặn dò chúng tử rồi thị tịch. Môn đồ xây tháp nơi chùa Nguyệt Quang phụng thờ (1).

Qua bài văn bia trên tháp sẽ cung cấp nhiều thông tin đến hành trạng và cuộc đời tu hành của Thiền sư Như Hiện ở một số giai đoạn như sau.

Năm	Chức danh được triều đình ban	Các công việc liên quan đến chùa
Mậu Thìn (1748)	Được ban chức Tăng chính	
Năm Đinh Sửu (1757),	Được ban sắc phong Hòa thượng	
Nhâm Thìn (1772) đến năm Kỷ Hợi (1779),		Tạo tượng vàng Di Đà, đúc tượng bạc A Nan
Năm Tân Sửu (1781)		Tu sửa chùa, trang hoàng trong ngoài

2. Giới thiệu văn bia trên tháp Thiền sư Như Hiện

Văn bia tháp Tịnh Quang hiện nay vẫn được bảo quản trên tháp tại chùa Nguyệt Quang xã Đông Khê, tổng Đông Khê, huyện Hải An (nay là phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng), niên đại năm Cảnh Hưng thứ 45 (1784), bia không ghi tên người soạn, người khắc. Bia gồm một mặt gắn trực tiếp vào tường tháp, toàn văn khoảng 1.000 chữ, trán bia trang trí lưỡng long chầu nhật, có hàng chữ đầu tiên bị xây tường đè lên. Nội dung ghi lại tiểu sử, hành trạng, công trạng của thiền sư Như Hiện. Có bài minh dài.

Chữ Hán:

□□□□ (2) 此人三才□ 惟天 為最靈□ 致中和□ 大坤位□ 萬 物育□ 佛法僧三寶□ 惟僧建大道佛□ 佛法奧大眾□ 是二者萬 古不移此□也□ 是寺者世間三 寶也□ 自有我越以來□ 未有高僧出世□ 住於茲而成也□

師貫唐豪仁育社□ 父母同阮 姓□ 師生於乙酉年九月初五日 亥時□ 方十九歲□ 捨俗出家□ 還□入道□ 登安子山龍峒寺□ 投真源禪師□ 是最後名也□ 侍 從三年方受具戒□ 未幾□ 本師入定參學□□□ 况如隨玄機 妙訣□ 出口入心□ 皆讀弥陀□ 金剛□ 梵網□ 首楞□ 大悲□ 十咒□ 十八不共□ 三十七品菩提 分法□ 勢若懸河□ 其餘章句□ 顯教靈文□ 以印心懷□

自家宝藏□ 受用无 穷□ 入 城市回山野□ 眾推尊長[座]□

到叢林住庵院人尊為上座□ 及 同僚貴戚救苦□ 王皈寂□ 師祈 薦有功□ 以戊辰年□ 頒僧正職

□須載□ 丁丑年□ 敕封和尚□ 華煙大禪寺, 瓊林大宝刹分眾 住持□ 飛錫雲遊□ 定足雷音□
未幾到月光□ 於壬辰年荏苒至 己亥□ 造弥陀檀金□ 繪阿難白 銀□ 辛丑年修理本寺□ 內外裝
鑲□ 此是世出世[間]□ 无空過 也□ 所謂光前振後□ 耀古騰 今□

當景興四十三年二月初四 日□ 付囑弟子土首□ 性裨□ 後 性靜及四眾□ 闍維收舍利□ 貯 陶瓶
□ 建甄塔□ 額曰淨光□ 豎 於寺前之左□ 以為萬代香焉□

銘曰:

師之生緣兮

唐豪仁育

師之受記兮

龍峒竹林

一十九歲兮

出塵入道

登壇戒品兮

正覺傳心

岑玄叩要兮

无住淘汰

唯佛即心兮

自己投針

男女並携兮

聲塵不染

是非雙泯兮

真俗皆欽

不談世事兮

和先接物

无言他造兮

美玉精金

效珠恒推兮

精修淨聖

三藏常勤兮

皆讀弥深

最後標名兮

光前振後

中間顯跡兮

古騰今

皇恩頒賜兮

僧正和尚

七十八歲兮

寂爾言音

塔号淨光兮

脩行圓證

密藏靈骨兮

香火尋傳

燈焰續然兮□

第一世東都祖□ 報嚴塔圓炆 拙拙和尚□ 贈封明越廣濟大德 禪師肉身菩薩□

第二世金到塔□ 滿覺和尚明 良禪師化身菩薩□

第三世寂光塔□ 正覺和尚真 源禪師化身菩薩□

第四世淨光塔□ 純覺和尚如 現禪師化身菩薩□

嗣法大弟子□ 性禪□ 性善□ 性霽□ 性律□ 性馥□ 性調□ 性 藏□ 性□□ 性燦□ 性白□ 性□

□ 性穎□ 性忠□ 性銓□ 性惠□ 性鑽□ 性淨□ 性清□ 性按□ 性添□ 性謙□ 性灵□ 性海□ 姓川
□ 性靜□ 妙忍□ 妙禪□ 妙 度□ 妙有□ 妙祥□ 妙從□ 妙 信□ 妙用□ 妙爍□

俗諦□ 性仁淨□ 陳 曰微号 性祿□ 陳氏號妙盛□ 陳光□号 信順□ 陳氏號妙莊□ 陳功合号 性和
□ 陳德訓号性冕□ 陳氏号 妙德□ 陳進長号福賢□ 陳氏号 妙良□ 陳氏号妙勝□ 優婆夷阮
氏号妙渡□ 阮氏号□□□ □□号妙眾□ 陳氏号妙智□ 阮市号 妙叔□ 阮氏號妙秋□ 阮氏号妙
海, 阮氏號妙賢, 阮氏号妙滿, 阮氏号妙好, 阮氏号妙鏡, 陳氏 号妙認□ 陳氏号妙□□ □□号
妙硯□ 陳氏号妙禪□ 陳登選号 福仙□ 阮氏号妙祥□ 阮氏号妙 進□ 陳有賞□ 陳氏号妙壽□ 陳
有親号□銓□ 陳氏号妙勤□ 陳 崇顯号□□□ 号性壽□ 阮氏号 妙勤□ 阮氏号行□ 阮氏号妙□
□ 陳德號福椿□ 陳氏号妙張□ 陳氏号妙玉□ 陳有碧号妙宣□ 陳氏号妙端□ 孫海玩□ 海諒号
妙□□ □□社阮氏号妙姓□ 阮氏号妙清□ 陇北社林氏号妙 壽□ □□社梁氏号妙登□ 阮氏
号妙宁□

景興四十五年歲次壬寅時冬 穀日識□



Vườn tháp chùa Nguyệt Quang – Đông Khê

Phiên âm:

[...] thử nhân Tam tài, duy thiên vi tối linh, trí trung hòa. Đại khôn vị, vạn vật
dục. Phật Pháp Tăng tam bảo, duy Tăng kiến đại đạo Phật, Phật pháp áo đại
chúng, thị nhị giả vạn cổ bất di thử [.] dã. Thị tự giả, thế gian Tam bảo dã. Tự
hữu ngã Việt dĩ lai, vị hữu cao tăng xuất thế, trú ư tư nhi thành dã.

Sư quán Đường Hào, Nhân Dục xã, phụ mẫu đồng Nguyễn tính. Sư sinh ư Ất Dậu
niên cửu nguyệt sơ ngũ nhật Hợi thời. Phương thập cửu tuế, xả tục xuất gia,
hoàn [.] nhập đạo. Đăng Yên Tử sơn Long Động tự đầu Chân Nguyên thiền sư,

thị tối hậu danh dã. Thị tông tam niên, phương thâm cụ giới. Vị cơ, bản sư nhập định tham học [...]. Hướng như tùy huyền cơ diệu quyết, xuất khẩu nhập tâm, giai độc Di đà, Kim cương, Phạm võng, Thủ lăng, Đại bi, Thập chú, thập bát bát cộng, tam thập thất phẩm Bồ đề phân pháp, thế nhược huyền hà. Kỳ dư chương cú Hiển giáo linh văn, dĩ ấn tâm hoài.

Tự gia bảo tạng, thu dụng vô cùng. Nhập thành thị hồi sơn dã, chúng thôi tôn Trưởng [tọa]. Đáo tòng lâm trú am viện nhân tôn vi Thượng tọa. Cập đồng liêu, quý thích cứu khổ. Vương quy tịch, sư kỳ tiến hữu công. Dĩ Mậu Thân niên, ban Tăng chính chúc [.] tu tải.

Đình Sửu niên, sắc phong hòa thượng. Hoa Yên Đại thiên tự, Quỳnh Lâm đại bảo sát phân chúng trụ trì. phi tích vân du, định túc Lôi Âm, vị kỉ đáo Nguyệt Quang. Ư Nhâm Thìn niên nhậm nhiệm chí Kỷ Hợi, tạo Di Đà đàn kim, hội A Nan bạch ngân. Tân Sửu niên tu lý bản tự, nội ngoại trang hoàng. Thử thị thế xuất thế [gian], vô không quá dã. Sở vị quang tiền chấn hậu, diệu cổ đăng kim.

Đương Cảnh Hưng tứ thập tam niên nhị nguyệt sơ tứ nhật, phó chúc đệ tử Thổ Thủ, Tính Bì, Hậu Tính Tĩnh cập Tứ chúng, đồ duy thu xá lợi, trừ đào bình, kiến chuyên tháp, ngạch viết Tịnh Quang, thụ ư tự tiền chi tả, dĩ vi vạn đại hương yên.

Mình viết:

Sư chi sinh duyên hê

Đường Hào, Nhân Dục

Sư chi thâm kí hê

Long Động Trúc Lâm

Nhất thập cửu tuế hê

Xuất trần nhập đạo

Đăng đàn giới phẩm hê

Chính giác truyền tâm

Sầm huyền khẩu yếu hê

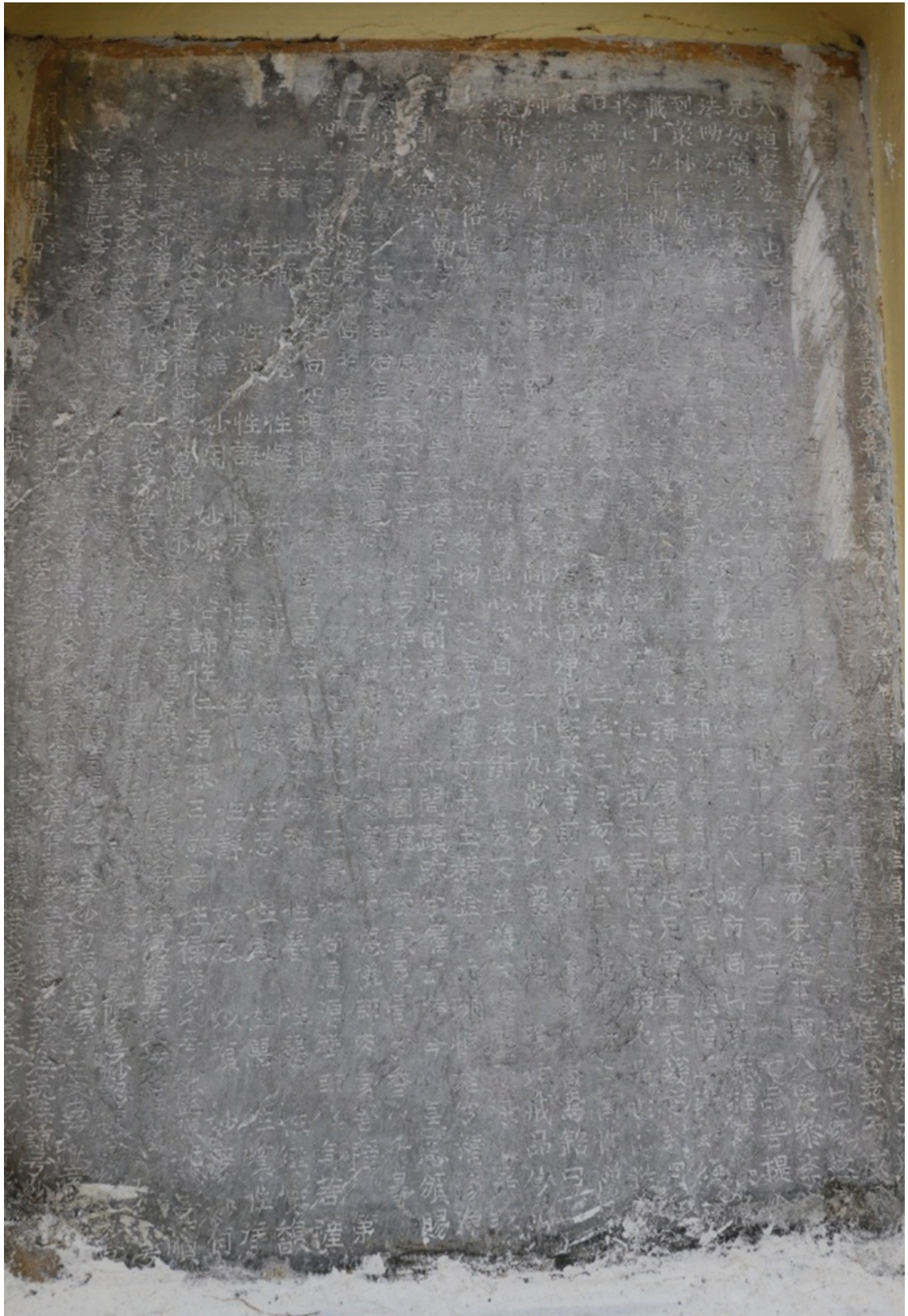
Vô trú đào thải

Duy Phật tức tâm hê

Tự kỷ đầu châm
Nam nữ tịnh huề hề
Thanh trần bất nhiễm
Thị phi song mẫn hề
Chân tục giai khâm
Bất đàm thế sự hề
Hòa tiên tiếp vật
Vô ngôn tha tạo hề
Mỹ ngọc tinh kim
Hiệu châu hằng thôi hề
Tinh tu tịnh thánh
Tam tạng thường cần hề
Giai độc di thâm
Tối hậu tiêu danh hề
Quang tiền chấn hậu
Trung gian hiển tích hề
Diệu cổ đẳng kim
Hoàng ân ban tứ hề
Tăng chính hòa thượng
Thất thập bát tuế hề
Tịch nhĩ ngôn âm
Tháp hiệu Tịnh Quang hề
Tu hành viên chứng
Mật tàng linh cốt hề

Hương hỏa tầm truyền

Đăng điểm tục nhiên hê.



Ảnh chụp bia tháp Tịnh Quang

Đệ nhất thế Đông Đô tổ, Báo Nghiêm tháp, Viên Văn Chuyết Chuyết hòa thượng, tặng phong Minh Việt Quảng Tế Đại Đức thiền sư nhục thân Bồ tát.

Đệ nhị thế Kim Đáo tháp, Mãn Giác hòa thượng Minh Lương thiền sư hóa thân Bồ tát.

Đệ tam thế Tịch Quang tháp, Chính Giác hòa thượng Chân Nguyên Thiền sư hóa thân Bồ tát.

Đệ tứ thế Tịnh Quang tháp, Thuần Giác hòa thượng Như Hiện Thiền sư hóa thân Bồ tát.

Tự pháp đại đệ tử: Tính Thiện, Tính Thiện, Tính Triêm, Tính Luật, Tính Phúc, Tính Điều, Tính Tàng, Tính [..], Tính Xán, Tính Bạch, Tính [..], Tính Dĩnh, Tính Trung, Tính Quyển, Tính Huệ, Tính Chất, Tính Tịnh, Tính Thanh, Tính Ấn, Tính Thiêm, Tính Khiêm, Tính Linh, Tính Hải, Tính Xuyên, Tính Tĩnh, Diệu Nhẫn, Diệu Trinh, Diệu Độ, Diệu Hữu, Diệu Tường, Diệu Tòng, Diệu Tín, Diệu Dụng, Diệu Thước.

Tục đế: Tính Nhân Tịnh, Trần Viết Cảnh hiệu Tính Lộc, Trần thị hiệu Diệu Thịnh, Trần Quang [..] hiệu Tín Thuận, Trần thị hiệu Diệu Trang, Trần Công Hợp hiệu Tính Hòa, Trần Đức Huấn hiệu Tính Miện, Trần thị hiệu Diệu Đức, Trần Tiến Trường hiệu Phúc Hiền, Trần thị hiệu Diệu Lương, Trần thị hiệu Diệu Thắng, Ưu bà di Nguyễn thị hiệu Diệu Độ, Nguyễn thị hiệu [..], hiệu Diệu Chúng, Trần thị hiệu Diệu Trí, Nguyễn thị hiệu Diệu Thúc, Nguyễn thị hiệu Diệu Thu, Nguyễn thị hiệu Diệu Hải, Nguyễn thị hiệu Diệu Hiền, Nguyễn thị hiệu Diệu Mãn, Nguyễn thị hiệu Diệu Hảo, Nguyễn thị hiệu Diệu Kính, Trần thị hiệu Diệu Nhận, Trần thị hiệu Diệu [..], [..] hiệu Diệu Nghiễn, Trần thị hiệu Diệu Trinh, Trần Đăng Tuyển hiệu Phúc Tiên, Nguyễn thị hiệu Diệu Tường, Nguyễn thị hiệu Diệu Tiến, Trần Hữu Thưởng, Trần thị hiệu Diệu Thọ, Trần Hữu Thân hiệu [..] Quyển, Trần thị hiệu Diệu Cần, Trần Sùng Hiến hiệu [..], hiệu Tính Thọ, Nguyễn thị hiệu Diệu Cần, Nguyễn thị hiệu Diệu Hành, Nguyễn thị hiệu Diệu [..], Trần Đức hiệu Phúc Xuân, Trần thị hiệu Diệu Trương, Trần thị hiệu Diệu Ngọc, Trần Hữu Bích hiệu Diệu Tuyên, Trần Thị hiệu Diệu Đoan, Tôn Hải Ngoạn, Hải Lượng hiệu Diệu [..], [..] xã Nguyễn thị hiệu Diệu Tính, Nguyễn thị hiệu Diệu Thanh, Lũng Bắc xã Lâm Thị hiệu Diệu Thọ, [..] xã Lương thị hiệu Diệu Đăng, Nguyễn thị hiệu Diệu Trữ.

Cảnh Hưng tứ thập ngũ niên tuế thứ Nhâm Dần thời đông cốc nhật thức.

Dịch nghĩa:

[...] trong cõi người có Tam tài (3), duy chỉ trời là linh thiêng nhất, đạt đến mức trung hòa. Đất có địa vị lớn nhất, nuôi dưỡng vạn vật. Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng, duy chỉ có Tăng mở mang quy mô đạo Phật. Phật và pháp là tinh thâm

đối với đại chúng, hai ngôi này muôn đời không thay đổi. Bởi vậy chùa là Tam bảo (4) trên thế gian. Kể từ khi có nước Việt ta đến nay, chưa từng có bậc cao tăng xuất thế, sống ở nước mình mà thành danh vậy.

Sư quê ở xã Nhân Dục, huyện Đường Hào, cha mẹ cùng họ Nguyễn. Sư sinh giờ Hợi ngày 05 tháng 09 năm Ất Dậu. Đến năm 19 tuổi, bỏ tục xuất gia, trả đời nhập đạo. Lên chùa Long Động núi Yên Tử (5) nương nhờ Thiền sư Chân Nguyên (6), trở thành đệ tử sau cùng (7). Theo thầy thị giả (8) ba năm mới được thụ Cụ giới (9). Không lâu sau, thầy bản sư (10) cho nhập định tham học đạo. Kể như huyền cơ hay diệu quyết, lời thầy dạy ra đều nhập tâm. Trải đọc các kinh Di Đà, Kim cương, Phạm võng, Thủ Lăng [nghiêm], Đại bi, Thập chú, 18 pháp công đức (11) và 37 phẩm Bồ đề phần pháp (12), sự học [tiến bộ] tựa như nước chảy không ngừng (13). Lại thêm mấy chương Hiền giáo linh văn (14) đều dùng tâm mà nhận ấn truyền.

Kho báu trong nhà (15), giác ngộ (16) vô cùng. Dù đến nơi thành thị hay trở về chốn rừng núi, đều được mọi người suy tôn là bậc Trưởng tọa. Dù đến ở nơi chốn tùng lâm hay am viên đều được người đời tôn xưng là bậc Thượng tọa (17). Cứu giúp từ bạn bè cho đến quan lại. Khi vua mất, sư làm lễ có công lao. Đến năm Mậu Thìn (1748), được ban chức Tăng chính. Năm Đinh Sửu (1757), được ban sắc phong Hòa thượng. Giao cho chúng [đệ tử] trụ trì Hoa Yên đại thiền tự (18) và Quỳnh Lâm (19) đại bảo sát (20), đi du hành (21) đến ở chùa Lô Âm, chưa được bao lâu lại đến ở chùa Nguyệt Quang. Từ năm Nhâm Thìn (1772) đến năm Kỷ Hợi (1779), tạo tượng vàng Di Đà, đúc tượng bạc A Nan. Năm Tân Sửu (1781) tu sửa chùa, trang hoàng trong ngoài. Đây là đời sau nối tiếp đời trước, không thể không trải qua. Đó gọi là rặng rỗi đời trước mà hưng thịnh đời sau, hiển dương đời trước mà khích lệ đời nay.

Ngày 04 tháng 02 năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782), sư dặn dò đệ tử Thổ Thủ, Tính Tì, sau là Tính Tĩnh và Tứ chúng (22) [khi mất] làm lễ Trà tỳ (23) mà thu lấy Xá lợi (24), cất trong bình gốm, xây tháp gạch, trên tháp viết Tịnh Quang, đặt ở bên trái phía trước chùa, để hương khói muôn đời.

Bài minh rằng:

Thầy vốn quê nhà (25)

Nhân Dục, Đường Hào

Thầy nhận trao truyền

Long Động, Trúc Lâm

Mười chín tuổi đời
Bỏ trần theo đạo
Đăng đàn thọ giới
Chính giác truyền tâm
Học hỏi huyền cơ
Xa lìa (26) chấp chước (27)
Chỉ còn Phật tâm
Tự tìm trí tuệ (28)
Nam nữ cùng mang
Thói trần không nhiễm.
Thị phi cùng hết
Chân tục đều kính
Không bàn việc đời
Lấy hòa tiếp vật
Truyền tâm tạo vật
Ngọc đẹp vàng tinh
Hiệu nghiệm như ngọc
Khéo tu thành thánh
Tam tạng thường siêng
Đều đọc ghi nhớ
Sau cùng nổi danh
Rạng trước hưng sau
Nửa đời hiển danh
Sáng xưa thịnh nay

Ơn vua ban tặng

Tặng chính hòa thượng

Bảy mươi tám xuân

Tịch nhĩ tên gọi

Tháp hiệu Tịch Quang

Tu hành trọn quả

Cốt linh giữ gìn

Hương khói mãi truyền

Đền thiền nối mãi.

Đời thứ nhất tổ Đông Đô, tháp Báo Nghiêm, Viên Văn Chuyết Chuyết hòa thượng (29), tặng phong Minh Việt Quảng Tế Đại Đức thiền sư nhục thân Bồ tát.

Đời thứ hai tháp Kim Đáo, Mãn Giác hòa thượng Minh Lương thiền sư (30) hóa thân Bồ tát. Đời thứ ba tháp Tịch Quang, Chính Giác hòa thượng Chân Nguyên (31) thiền sư hóa thân Bồ tát.

Đời thứ tư tháp Tịnh Quang, Thuần Giác hòa thượng Như Hiện (32) thiền sư hóa thân Bồ tát.

Các đại đệ tử nổi pháp (33): Tính Thiền, Tính Thiện, Tính Triêm, Tính Luật, Tính Phúc, Tính Điều, Tính Tàng, Tính [..], Tính Xán, Tính Bạch, Tính [..], Tính Dĩnh, Tính Trung, Tính Quyền, Tính Huệ, Tính Chất, Tính Tịnh, Tính Thanh, Tính Án, Tính Thiêm, Tính Khiêm, Tính Linh, Tính Hải, Tính Xuyên, Tính Tĩnh, Diệu Nhẫn, Diệu Trinh, Diệu Độ, Diệu Hữu, Diệu Tường, Diệu Tông, Diệu Tín, Diệu Dụng, Diệu Thước.

Hàng Tục đế (34) gồm: Tính Nhân Tịnh, Trần Viết Cảnh pháp hiệu Tính Lộc, Trần thị pháp hiệu Diệu Thịnh, Trần Quang [..] pháp hiệu Tín Thuận, Trần thị pháp hiệu Diệu Trang, Trần Công Hợp pháp hiệu Tính Hòa, Trần Đức Huấn pháp hiệu Tính Miện, Trần thị pháp hiệu Diệu Đức, Trần Tiến Trường pháp hiệu Phúc Hiền, Trần thị pháp hiệu Diệu Lương, Trần thị pháp hiệu Diệu Thắng, Ưu bà di Nguyễn Thị pháp hiệu Diệu Độ, Nguyễn thị pháp hiệu [..], [..] pháp hiệu Diệu Chúng, Trần thị pháp hiệu Diệu Trí, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Thúc, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Thu, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Hải, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Hiền, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Mãn, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Hảo, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Kính, Trần thị pháp hiệu Diệu Nhận, Trần thị pháp hiệu Diệu

[.], [..] pháp hiệu Diệu Nghiễn, Trần thị pháp hiệu Diệu Trinh, Trần Đăng Tuyển pháp hiệu Phúc Tiên, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Tường, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Tiến, Trần Hữu Thường, Trần thị pháp hiệu Diệu Thọ, Trần Hữu Thân pháp hiệu [Diệu] Quyền, Trần thị pháp hiệu Diệu Cần, Trần Sùng Hiễn pháp hiệu [.], pháp hiệu Tính Thọ, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Cần, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Hành, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu [.], Trần Đức pháp hiệu Phúc Xuân, Trần thị pháp hiệu Diệu Trương, Trần thị pháp hiệu Diệu Ngọc, Trần Hữu Bích pháp hiệu Diệu Tuyên, Trần thị pháp hiệu Diệu Đoan, Tôn Hải Ngoạn, Hải Lượng pháp hiệu Diệu [.]. Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Tính, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Thanh, Lâm thị pháp hiệu Diệu Thọ người xã [..], Lâm thị pháp hiệu Diệu Thọ người xã Lũng Bắc, Lương thị pháp hiệu Diệu Đăng, Nguyễn thị pháp hiệu Diệu Trữ người xã [..].

Ngày tốt mùa Đông năm Nhâm Dần niên hiệu Cảnh Hưng thứ 45 (1784).

Tác giả: **Nguyễn Huy Khuyển** - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

ThS.Vũ Ngọc Định - Trường Đại học Hồng Đức

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Chú thích:

(1) <https://thientruclam.info/ht-thich-thanh-tu/thien-su-viet-nam/thien-su-nhu-hien-hieu-nguyet-quang---1765-doi-phap-thu-37- tong-lam-te>

(2) Dòng đầu tiên của bia bị xây đè lên.

(3) Tức thiên, địa, nhân.

(4) Tức ba ngôi báu, gồm Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

(5) Còn gọi là chùa Lân, ngôi chùa trên núi Yên Tử, thuộc địa phận thôn Nam Mẫu, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh cũ. Đây là một trong những ngôi chùa quan trọng nhất trong hệ thống chùa của Thiền phái Trúc Lâm.

(6) Thiền sư Chân Nguyên (1647 - 1726), pháp danh là Tuệ Đăng, thuộc đời thứ 36 phái Lâm Tế và là người khôi phục lại thiền phái Trúc Lâm đời Trần. Sư họ Nguyễn tên Nghiêm, tên chữ là Đình Lân, người làng Tiền Liệt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương cũ.

(7) Sư là học trò sau cùng thiền sư Chân Nguyên.

(8) Thị giả: người đệ tử theo hầu thầy.

(9) Nguyên dịch từ chữ 具戒 Cụ giới: tức Cụ giới pháp. Người tu hành thụ trì chính giới của đức Như Lai.

(10) Tức là vị thầy chính, thầy căn bản. Thông thường dùng để xưng hô đức Thích Ca Như Lai. Ngoài ra, các đệ tử tôn xưng thầy mình là Bản sư

(11) Nguyên dịch từ câu 十八不共法 Thập bát bất cộng, gọi đủ là Thập bát bất cộng Phật pháp. Chỉ cho 18 pháp công đức mà chỉ

riêng Phật mới có chứ không chung cho hàng Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác. Đó là: 1. Niệm vô thất: ý tưởng không sai sót. 2. Ngữ vô thất: lời nói không sai sót. 3. Thân vô thất: hành động không sai sót. 4. Vô dị tướng: tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh. 5. Vô bất định tâm: tâm an tịnh trong thiền định. 6. Vô bất tri dĩ xả: Tâm biết rõ các pháp rồi xả bỏ. 7-11. Dục vô giảm, Tinh tiến vô giảm, Niệm vô giảm, Huệ vô giảm, và Giải thoát vô giảm. Năng lực không thoái chuyển trong các lĩnh vực: mong được độ thoát cho tất cả chúng sinh. 12. Giải thoát tri kiến vô giảm. 13-15. Sự biểu hiện của năng lực trí tuệ qua tư tưởng, ngôn ngữ, và hành động vì mục đích cứu độ chúng sinh. 16-18. Trí tuệ nhận biết đời quá khứ, hiện tại, vị lai

(12) Còn gọi là Tam thập thất đạo phẩm, Tam thập thất chủng Bồ đề phần pháp, Tam thập thất Bồ đề phần pháp, Tam thập thất giác chi, Tam thập thất đạo phẩm, Tam thập thất trợ đạo phẩm hoặc 37 phẩm trợ đạo. Bao gồm: Tứ niệm xứ, Tứ chính cần, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo.

(13) Nguyên dịch từ chữ Huyền hà: thác nước, biểu thị sự không dừng.

(14) Tức kinh văn do đức Phật thuyết giảng một cách công khai, đối ngược lại với Mật giáo.

(15) Nguyên dịch từ chữ 自家宝藏 Tự gia bảo tạng: Diệu pháp huyền nhiệm giúp bản thân tự thấu suốt bản tâm, tự khai ngộ.

(16) Dịch từ chữ 受用 Thụ dụng: là kết quả của giác ngộ, hưởng niềm vui của chính pháp và giúp cho người khác cùng được hưởng.

(17) Trong Thiền tông, Thượng tọa là danh hiệu kính cẩn để gọi thầy của mình. Cũng dùng để chỉ một vị tăng đã đạt bốn tiêu chuẩn sau: 1. Đức hạnh cao; 2. Nắm vững tất cả giáo lý căn bản của Phật pháp; 3. Nắm vững các phép Thiền định; 4. Người đã diệt ô nhiễm, phiền não và đạt giải thoát.

(18) Chùa ở núi Yên Tử, thờ Tam tổ Trúc Lâm (Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang).

(19) Chùa ở phường Tràng An, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh cũ. Chùa được thiền sư Nguyễn Minh Không xây dựng từ thời Lý. Đến thời Trần, chùa trở thành một trung tâm Phật giáo lớn gắn với các hoạt động Phật pháp của thiền sư Pháp Loa, vị tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm.

(20) 寶刹 Bảo sát: Phật giới, tự viện, cõi Phật.

(21) Nguyên dịch từ chữ 飛錫 Phi tích: vị tăng đi du hành các nơi để tham Thiền học đạo.

(22) Tứ chúng: bốn hạng người hình thành nên giáo đoàn Phật giáo, gồm Tỉ khiêu, Tỉ khiêu ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di.

(23) Nguyên dịch từ chữ 闇維 Đồ duy: phiên âm tiếng Phạn là 茶毘 Trà tỳ: hỏa táng thi hài.

(24) Xá lợi: thân cốt, di cốt, linh cốt. Nguyên gốc nó có nghĩa là thân thể, nhưng phần nhiều được dùng để chỉ thân cốt của Phật hay các vị cao tăng.

(25) Dịch từ hai chữ 生緣 Sinh duyên: quê nhà.

(26) Dịch từ chữ 无住 Vô trụ: không chấp thật thì không trụ lại ở trụ nào trong Tứ trụ.

(27) Nguyên dịch từ chữ 淘汰 Đào thải: rời bỏ, xa lìa những tà kiến.

(28) Dịch từ chữ 投針 Đầu chân: viết tắt của câu 以針投鉢 Dĩ châm đầu bát: cầm cây kim ném vào bát. Tên công án trong Thiền tông. Tổ phó pháp tạng thứ 15 là Ngài Ca Na Đề Bà trước vốn là ngoại đạo. Một hôm, ngài từ nước Chấp Sư Tử đến nước Kiêu Tát La yết kiến ngài Long Thụ để cùng nghị luận. Để thử trí tuệ của Ca Na Đề Bà, ngài Long Thụ sai đệ tử bưng ra một bát nước đầy đặt trước mặt Đề Bà. Thấy thế, ngài Đề Bà lẳng lặng cầm cây kim ném vào trong bát nước. Ngài Long Thụ hết sức khen ngợi trí tuệ của Đề Bà, liền trao cho lí màu nhiệm chân thật rất ráo. Bát nước đầy tượng trưng trí tuệ mệnh mông của ngài Long Thụ, còn việc ngài Đề Bà ném cây kim vào bát nước là biểu thị ý muốn dò tìm đến đáy nguồn của biển trí tuệ ấy

(29) Thiền sư Chuyết Chuyết người Tiệm Sơn, huyện Hải Trưng, tỉnh Phúc Kiến, nay thuộc thành phố Dương Châu, Trung Quốc. Sư là tổ thứ nhất dòng Lâm Tế Việt Nam.

(30) Minh Lương Mãn Giác (? - 1675) là đệ tử nổi pháp của thiền sư Viên Văn Chuyết Chuyết.

(31) Thiền sư Chân Nguyên (1647 - 1726) pháp danh Tuệ Đăng, là đệ tử nổi pháp của thiền sư Minh Lương. Sư họ Nguyễn, tên Nghiêm, tên chữ là Đình Lân người làng Tiền Liệt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

(32) Thiền sư Như Hiện (? - 1765) người làng Đường Hào, huyện Thanh Hà (Hải Dương) thuộc con nhà quý phái. Năm 16 tuổi, đến chùa Long Động trên núi Yên Tử, xin thọ giáo với thiền sư Chân Nguyên. Thiền sư Như Hiện chuyên tâm tu hành được truyền tâm ấn. Trước khi viên tịch, thiền sư Chân Nguyên trao truyền y bát phái thiền Trúc Lâm cho thiền sư Như Hiện. Thiền sư Như Hiện kế tục trụ trì các chùa Long Động, Quỳnh Lâm, Nguyệt Quang. Năm Canh Tuất (1730), chúa Trịnh Giang ra lệnh cho trùng tu hai chùa Quỳnh Lâm và Sùng Nghiêm do Thiền sư Như Hiện coi sóc. Năm 1748, Thiền sư Như Hiện được vua Lê Hiến Tông (1740 - 1786) ban chức Tăng cang. Năm Đinh Sửu (1757) lại được sắc phong làm Tăng thống Thuần Giác Hòa thượng.

(33) Đệ tử nổi pháp là người kế thừa tâm ấn, dòng pháp và ấn chứng ngộ đạo từ thầy bản sư.

(34) Tục đế: Phật tử và các cư sỹ tại gia.

Tài liệu tham khảo:

1] Phạm Xuân Thanh - Trần Phương (2003), Lịch sử Đảng bộ và Nhân dân phường Đông Khê, Nxb Hải Phòng.

2] H.t. Thích Thanh Từ (soạn dịch), Thiền Sư Việt Nam, PL.2539-1995

3] Ngô Đức Thọ (dịch, 1990), Thiền uyển tập anh, Nxb Văn Học, HN.

4] Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hải Phòng (2022), Chùa Hải Phòng xưa và nay, tập 1, Nxb Hải Phòng.

5] Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hải Phòng (2022), Tiểu sử danh tăng thành phố Hải Phòng, Nxb Hải Phòng.

6] Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hải Phòng, Hội Khoa học Lịch sử thành phố Hải Phòng (2022), Lịch sử Phật giáo thành phố Hải Phòng, Nxb Tôn giáo.

7] Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hải Phòng (2017), Chùa cổ Hải Phòng, Nxb Hải Phòng.